

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2018
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Long.
2. Bà Chế Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 579/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Thu M, sinh năm 1990. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Bảo L, sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 1, phường Trần Hưng Đ, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lâm Thị Thu M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Thu M và anh Đặng Bảo L tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đ, thành phố K, tỉnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/3/2008. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng trầm trọng nhất là từ tháng 9/2017 đến nay. Nguyên nhân là do anh Lộc không tin tưởng chị về tình cảm vợ chồng nên thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi bới, xúc phạm và

đánh đập chị, tháng 9/2017, anh L đã đánh chị Minh bị gãy xương chân trái. Tháng 11/2017, chị đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó vì thương con và muốn cho anh L cơ hội sửa chữa nên chị rút đơn về. Tuy nhiên, anh L không thay đổi, chị M nhận thấy không còn tình cảm với anh L nên đã sống ly thân. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung là Đặng Lâm Anh T, sinh ngày 21/01/2007 và Đặng Lâm Anh K, sinh ngày 09/11/2012. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng nuôi 02 con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Bảo L đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân thành phố K thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; bị đơn đã được giao nhận đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đặng Bảo L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Thu M và anh Đặng Bảo L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đ, thành phố K, tỉnh K vào ngày 31/3/2008 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị Thu M và anh Đặng Bảo L là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, theo lời khai của chị M thì anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng trầm trọng nhất là từ tháng 9/2017 đến nay. Nguyên nhân là do: *Anh L không tin tưởng chị về tình cảm vợ chồng nên thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị. Tháng 9/2017, anh L đã đánh chị M bị gãy xương chân trái.*

[4] Xét thấy: Chị M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc anh L thường xuyên ghen tuông, đánh đập chị. Tuy nhiên, mâu thuẫn của anh chị xảy ra từ nhiều năm nay, gia đình, người thân đã có sự động viên

khuyên giải và trong năm 2017 chị đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó chị rút đơn về nhưng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, đặc biệt là dịp tết nguyên đán năm 2018 anh chị cũng không đoàn tụ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh L ký nhận đầy đủ văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thu M. Tại phiên tòa chị M khẳng định không còn tình cảm với anh L và tha thiết xin được ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lâm Thị Thu M.

[5] Về con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, các con là do chị M chăm sóc, mọi sinh hoạt, học tập đều đã ổn định bên mẹ, hơn nữa cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị M có công việc, nơi ở và thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị M về nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Đặng Lâm Anh T, sinh ngày 21/01/2007 và Đặng Lâm Anh K, sinh ngày 09/11/2012 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng). Thời gian nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đến Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về án phí: Chị Lâm Thị Thu M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Đặng Bảo L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của chị Lâm Thị Thu M, đơn đề ngày 29/11/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Thu M được ly hôn anh Đặng Bảo Lộc.

Về con chung: Giao con chung Đặng Lâm Anh T, sinh ngày 21/01/2007 và Đặng Lâm Anh K, sinh ngày 09/11/2012 cho chị Minh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng). Thời gian nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, nghị nghị.

Kể từ ngày quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật và chị Lâm Thị Thu M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Đặng Bảo L không thi hành đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh L còn phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lâm Thị Thu M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001027 ngày 11/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K. Chị M đã nộp đủ án phí.

Anh Đặng Bảo L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-4-2018), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Chi cục THA dân sự TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu